

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch bưu chính, viễn thông tỉnh Bình Phước
đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật Bưu chính ngày 28/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch phát triển các sản phẩm chủ yếu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 61/TTr-STTTT ngày 29/11/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Quy hoạch bưu chính, viễn thông tỉnh Bình Phước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025”, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu Quy hoạch:

- Nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh.

- Làm cơ sở để các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bưu chính, viễn thông lập kế hoạch phù hợp với quy hoạch chung của ngành và của tỉnh.

- Thúc đẩy phát triển và phổ cập dịch vụ bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

- Xác định mục tiêu, định hướng phát triển, ưu tiên những lĩnh vực, dự án cần tập trung đầu tư để nhanh chóng phát huy hiệu quả. Đề xuất các giải pháp cụ thể để huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm thực hiện thành công các dự án cấp thiết về bưu chính, viễn thông.

- Cụ thể hóa Quy hoạch phát triển bưu chính, viễn thông Việt Nam.

2. Nội dung và quy mô các yếu tố chính của Quy hoạch:

a) Quy hoạch bưu chính:

- Đến năm 2015:

+ Giảm bán kính phục vụ xuống dưới 5km/điểm phục vụ. Dân số phục vụ bình quân dưới 10.000 người/điểm phục vụ.

+ 100% điểm Bưu điện văn hóa xã cung cấp dịch vụ internet băng rộng, cung cấp đa dịch vụ.

+ Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động các tuyến đường thư hiện tại.

+ Duy trì và nâng cao chất lượng các dịch vụ bưu chính truyền thống.

+ Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ bưu chính mới.

- Đến năm 2020:

+ Giữ nguyên chỉ tiêu bán kính phục vụ, nâng cao chất lượng và loại hình dịch vụ tại các điểm phục vụ.

+ Cung cấp tất cả các loại hình dịch vụ bưu chính đến cấp xã.

+ Nâng cao chất lượng mạng đường thư bằng cách cung cấp dịch vụ tra cứu bưu phẩm, bưu kiện trên mạng.

- Tầm nhìn đến năm 2025:

+ Mạng điểm phục vụ bưu chính có xu hướng thu hẹp (giảm số lượng điểm phục vụ). Phát triển theo hướng mở rộng phạm vi phục vụ và nâng cao hiệu quả hoạt động của từng điểm phục vụ (một điểm phục vụ, phục vụ một địa bàn rộng, cung cấp dịch vụ bưu chính tới tận khách hàng).

+ Ứng dụng các công nghệ mới trong quản lý và khai thác dịch vụ. Ứng dụng công nghệ nhận dạng bằng tần số vô tuyến trong phát triển bưu chính (RFID: Radio Frequency Identification); quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện cũng như mở ra một số dịch vụ gia tăng mới cho khách hàng.

+ Phát triển đa dịch vụ theo hướng gắn kết với các dịch vụ tài chính, viễn thông, tin học.

+ Thị trường mở cửa hoàn toàn bình đẳng; mọi doanh nghiệp, mọi thành phần kinh tế đều có thể tham gia thị trường, cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyên phát.

b) Quy hoạch viễn thông:

- Công nghệ: Mạng chuyển mạch chuyển đổi sang công nghệ mạng hội tụ (NGN); mạng di động phát triển rộng khắp mạng 3G, phát triển ứng dụng công nghệ truy nhập vô tuyến băng rộng.

- Chỉ tiêu:

+ Năm 2013: Cáp quang đến 100% xã, cụm xã; phủ sóng 3G tới 100% khu dân cư.

+ Năm 2015: Hoàn thiện xây dựng hạ tầng mạng NGN; phổ cập dịch vụ internet băng rộng tới mọi người dân; ngầm hóa 25 - 30% hạ tầng mạng ngoại vi; tỷ lệ sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông đạt 10 - 15% (hạ tầng mạng di động, ngoại vi, truyền dẫn...).

+ Năm 2020: Ngầm hóa 40 - 45% hạ tầng mạng ngoại vi trên địa bàn tỉnh (tính đến hệ thống tú cáp và thuê bao); tỷ lệ sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông đạt 30 - 35% (hạ tầng mạng di động, ngoại vi, truyền dẫn...).

- Tầm nhìn đến năm 2025:

+ Viễn thông phát triển theo xu hướng hội tụ (hội tụ công nghệ, hội tụ dịch vụ, hội tụ mạng lưới...) trên một hạ tầng có thể tích hợp cung cấp nhiều dịch vụ khác nhau với tốc độ, chất lượng cao.

+ Hạ tầng mạng viễn thông phát triển theo hướng bền vững: Sử dụng chung cơ sở hạ tầng, ngầm hóa cáp quang, đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị.

+ Phát triển dịch vụ viễn thông theo hướng gắn kết với phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, y tế...; cung cấp đa dịch vụ, đáp ứng mọi nhu cầu về sử dụng dịch vụ của người dân.

+ Dịch vụ phát triển theo hướng phân tách: Dịch vụ về hạ tầng và dịch vụ về ứng dụng.

+ Xã hội hóa trong cung cấp dịch vụ: Mọi thành phần kinh tế (trong nước và ngoài nước) đều có thể tham gia cung cấp dịch vụ.

+ Thị trường viễn thông mở cửa hoàn toàn bình đẳng. Các doanh nghiệp trên thị trường sẽ phân tách thành 02 dạng là: Doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng và doanh nghiệp cung cấp và bán lại dịch vụ.

Điều 2. Giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện Quy hoạch phê duyệt:

1. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực:

- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao trình độ đội ngũ công chức chuyên trách trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước: Định hướng doanh nghiệp phát triển mạng lưới theo hoạch định; đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện phát triển hạ tầng đồng bộ với phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông cấp huyện, thị (cán bộ quản lý chuyên trách).

- Hỗ trợ đào tạo và tái đào tạo nguồn nhân lực tại các điểm Bưu điện văn hóa xã, nâng cao trình độ và kỹ năng sử dụng internet; thực hiện nhiệm vụ phổ cập, nâng cao hiệu quả hoạt động.

2. Giải pháp phát triển khoa học công nghệ:

- Ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng mạng lưới theo hướng ứng dụng các công nghệ mới.

- Triển khai cung cấp dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ dân sinh tại các điểm Bưu điện Văn hóa xã (cung cấp các dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin thông qua hệ thống thông tin cơ sở tại các điểm Bưu điện Văn hóa xã).

- Phát triển công nghệ đi đôi với sử dụng hiệu quả hạ tầng: công nghệ vô tuyến băng rộng, công nghệ truyền dẫn cáp quang (thay thế cáp đồng), cáp ngầm...

3. Giải pháp phát triển thị trường bưu chính, viễn thông:

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia phát triển thị trường bưu chính, viễn thông. Đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng và quyền lợi của người sử dụng dịch vụ.

- Phát triển thị trường bưu chính dựa trên việc nâng cao chất lượng dịch vụ, loại hình dịch vụ phong phú đa dạng, cung cấp dịch vụ trên mọi lĩnh vực.

- Doanh nghiệp bưu chính kết hợp với các doanh nghiệp viễn thông, bảo hiểm, điện, nước... mở rộng thị trường, phát triển mạnh các dịch vụ.

- Phát triển, mở rộng thị trường bưu chính, viễn thông tại khu vực nông thôn: nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa loại hình dịch vụ.

4. Giải pháp về cơ chế chính sách:

- Bưu chính:

+ Hỗ trợ thu nhập cho lao động tại các điểm Bưu điện Văn hóa xã từ nguồn thu các dịch vụ do tỉnh đầu tư.

+ Tạo điều kiện thuận lợi về đất đai, các thủ tục giấy tờ trong quyền hạn của tỉnh để thu hút các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước tham gia cung cấp dịch vụ, đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng và quyền lợi của người sử dụng dịch vụ.

+ Ban hành các cơ chế ưu đãi, điều kiện hỗ trợ đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cho các cơ quan đảng, nhà nước tại địa phương; cung cấp dịch vụ tại những khu vực có mật độ người sử dụng thấp.

- Viễn thông:

+ Ban hành các quy định, quy chế về sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông (mạng thông tin di động, mạng truyền dẫn...); tận dụng cơ sở hạ tầng sẵn có, tiết kiệm chi phí đầu tư, tránh đầu tư chồng chéo.

+ Ban hành các quy định, quy chế về phát triển hạ tầng mạng ngoại vi: quy định về ngầm hóa, cáp quang hóa...

+ Tạo điều kiện thuận về cơ chế, chính sách cho doanh nghiệp trong quá trình xây dựng phát triển mạng lưới.

+ Ban hành cơ chế khuyến khích, điều kiện hỗ trợ, ưu đãi các doanh nghiệp khi doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng mạng lưới tại khu vực có số người sử dụng dịch vụ thấp.

5. Giải pháp quản lý, phát triển hạ tầng viễn thông thụ động:

Tình công bố công khai Quy hoạch chung trên toàn tỉnh và lộ trình thực hiện, các doanh nghiệp căn cứ theo lộ trình xây dựng kế hoạch phát triển.

6. Giải pháp về huy động vốn đầu tư:

- Vốn đầu tư từ ngân sách:

+ Sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí xây dựng Thư viện kỹ thuật nông nghiệp tại các điểm Bưu điện văn hóa xã hoặc tại thư viện xã tùy thuộc vào từng điều kiện cụ thể của địa phương, ưu tiên cho các địa phương vùng nông thôn, điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

+ Xây dựng Đề án hệ thống thông tin cơ sở: Thông tin kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, giáo dục phổ thông, chăm sóc sức khỏe nhân dân và phòng, chống thiên tai...

- Vốn đầu tư từ doanh nghiệp và các nguồn khác:

+ Huy động nguồn vốn từ doanh nghiệp xây dựng, phát triển hạ tầng dùng chung (mạng thông tin di động, mạng truyền dẫn). Kết hợp sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh xây dựng hệ thống thông tin cơ sở tại các điểm Bưu điện Văn hóa xã.

+ Ưu tiên các nguồn vốn đầu tư trong nội bộ tỉnh: huy động nguồn vốn từ các thành phần kinh tế và các tầng lớp dân cư để đầu tư xây dựng hạ tầng (vị trí trạm thu phát sóng, ngầm hóa mạng cáp...) theo phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm, sau đó cho doanh nghiệp thuê lại.

7. Giải pháp an toàn, an ninh thông tin:

- Doanh nghiệp bưu chính, viễn thông xây dựng các phương án hoạt động dự phòng, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

- Phối hợp các ngành, các cấp bảo vệ hạ tầng mạng lưới: trạm thu phát sóng di động (BTS), cáp quang, cáp ngoại vi...

- Giám sát, theo dõi việc cung cấp các dịch vụ; ngăn chặn và ngừng cung cấp dịch vụ đối với những trường hợp sử dụng dịch vụ bưu chính, viễn thông và internet xâm phạm an ninh, quốc phòng, xâm phạm đời tư của công dân.

8. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức người dân:

Biên tập, xây dựng các chương trình, tài liệu nhằm tăng cường phổ biến thông tin; cung cấp đầy đủ, khách quan về an toàn bức xạ vô tuyến điện đối với môi trường và sức khỏe cộng đồng; các quy định về xây dựng, lắp đặt các trạm thu phát sóng thông tin di động để người dân an tâm, đồng thuận, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai xây dựng các trạm thu phát sóng, tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch đạt hiệu quả cao.

Điều 3. Tổ chức thực hiện Quy hoạch:

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Tổ chức triển khai và theo dõi thực hiện Quy hoạch. Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế và sự phát triển bưu chính, viễn thông, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp.

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành kế hoạch, giải pháp chi tiết, cụ thể triển khai thực hiện quy hoạch hàng năm và 05 năm.

- Định hướng các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông triển khai thực hiện Quy hoạch. Báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông quá trình theo dõi, chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông thực hiện Quy hoạch.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể hoá các quy trình quản lý hạ tầng mạng viễn thông.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng cơ chế ưu đãi các doanh nghiệp, chủ động xây dựng cơ sở hạ tầng đi trước đón đầu, thu hút các doanh nghiệp đầu tư thực hiện Quy hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông để thực hiện các đề án:

+ Thiết lập các điểm cung cấp đa dịch vụ công cộng (bưu chính, điện thoại, internet) tại các ấp, các xã vùng xa mà doanh nghiệp bưu chính, viễn thông không triển khai cung cấp dịch vụ.

+ Xây dựng Đề án trung tâm thông tin cơ sở.

+ Xây dựng các chương trình, đề án, quy định ngầm hóa mạng ngoại vi, dùng chung cơ sở hạ tầng viễn thông (trụ anten, công bẽ, đường truyền dẫn, thiết bị,...).

- Phối hợp với Sở Xây dựng tiến hành rà soát các công trình bưu chính, viễn thông hiện có trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, đề xuất UBND tỉnh xử lý đối với những đơn vị thi công công trình vi phạm, ảnh hưởng đến công trình, kiến trúc thuộc quy hoạch chung của tỉnh.

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tham gia phổ cập dịch vụ và thực hiện các dự án đào tạo người dân sử dụng dịch vụ.

- Là cơ quan đầu mối tập hợp nhu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp trong vấn đề xây dựng các công trình bưu chính, viễn thông và cùng với các, sở, ban

ngành, UBND các huyện, thị xã hướng dẫn thủ tục xây dựng đảm bảo phù hợp với cảnh quan kiến trúc và các quy định khác của tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh, tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản tăng cường công tác quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành các quy định, quy chế về sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông (mạng thông tin di động, mạng truyền dẫn...), ngầm hóa mạng ngoại vi...

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Căn cứ Quy hoạch đã được phê duyệt, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tính toán, cân đối, huy động kinh phí từ nhiều nguồn khác nhau để xây dựng các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn, đảm bảo triển khai thực hiện các dự án, đề án, chương trình thuộc ngân sách tỉnh đạt hiệu quả.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối ngân sách, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các dự án, đề án, chương trình thuộc ngân sách tỉnh hỗ trợ.

4. Sở Giao thông vận tải: Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông xây dựng các chương trình, đề án, quy định ngầm hóa mạng ngoại vi phù hợp với Quy hoạch của từng thời kỳ.

5. Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp với Sở Thông tin Truyền thông triển khai các dịch vụ ứng dụng khoa học công nghệ, thông qua mạng điểm phục vụ bưu chính dưới các hình thức tài liệu, thông tin dữ liệu, hệ thống tra cứu thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; tham gia thực hiện các dự án bưu chính, viễn thông liên quan đến khoa học và công nghệ.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện các đề án tại hệ thống điểm Bưu điện văn hóa xã: Xây dựng hệ thống “Thư viện kỹ thuật nông nghiệp”, “Hệ thống thông tin cơ sở”.

7. Công an tỉnh: Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông đảm bảo an toàn, an ninh mạng lưới bưu chính, viễn thông.

8. Sở Xây dựng:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thị xã xây dựng quy định và hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp trong vấn đề quy hoạch, xây dựng mạng lưới các công trình bưu chính, viễn thông phù hợp với quy hoạch đô thị của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thị xã xây dựng quy định, hướng dẫn các doanh nghiệp về xây dựng trụ anten trên địa bàn tỉnh đúng quy hoạch kiến trúc, đô thị của tỉnh.

9. Công ty Điện lực Bình Phước: Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, các doanh nghiệp viễn thông xây dựng các chương trình, đề án, quy định ngầm hóa mạng ngoại vi phù hợp với quy hoạch của từng thời kỳ.

10. Các sở, ban, ngành khác: Có trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Quy hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

11. UBND các huyện, thị xã:

Phối hợp với các cơ quan liên quan, hỗ trợ các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông triển khai thực hiện Quy hoạch trên địa bàn quản lý.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông quản lý việc xây dựng phát triển hạ tầng địa bàn: mạng thông tin di động (BTS), mạng ngoại vi...

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- VPCP;
- Bộ TT&TT;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 4;
- LĐVP, các Phòng chuyên môn, TT.TH-CB;
- Lưu: VT (QĐ 09). 60



Bùi Văn Thạch